

Chuyên đề PHÂN TÍCH BÁO CÁO BỘ PHẬN

10/31/2006

Prepared and presented by Nguyen Bao Linh – University of Economics

1

Báo cáo bộ phận

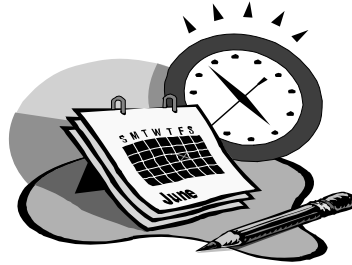
10/31/2006

Prepared and presented by Nguyen Bao Linh – University of Economics

2

Khái niệm

- Là báo cáo của một đơn vị hoặc một mặt hoạt động trong 1 doanh nghiệp, nhằm cung cấp thông tin chi tiết cho các nhà quản lý để kiểm soát doanh thu và chi phí của chúng



10/31/2006

Prepared and presented by Nguyen Bao Linh – University of Economics

3

Đặc điểm

- Thường lập theo cách ứng xử của chi phí (cost behavior)
- Lập cho nhiều mức độ và phạm vi khác nhau
- Cấp quản lý càng cao thì mức độ chi tiết càng thấp
- Ngoài những chi phí có liên quan trực tiếp, báo cáo bộ phận còn thể hiện các chi phí chung được phân bổ từ cấp cao hơn
- Dùng cho mục đích nội bộ doanh nghiệp

10/31/2006

Prepared and presented by Nguyen Bao Linh – University of Economics

4

Nguyên tắc phân bổ chi phí

- Cần đáp ứng 2 nguyên tắc:
- Phân bổ theo sự biến động của chi phí (cost behavior), tức là phân chia theo biến phí và định phí.
- Xác định từng loại chi phí đó là trực thuộc (có thể theo dõi và ghi nhận chi tiết, cụ thể – traceable costs) hay không trực thuộc đối với bộ phận có liên quan.

10/31/2006

Prepared and presented by Nguyen Bao Linh – University of Economics

5

Ví dụ – cấp phân xưởng

	Công ty	PX1	PX2
Doanh thu		300,000	200,000
Trừ biến phí			
Biến phí hàng bán		120,000	60,000
Các biến phí khác		30,000	20,000
Cộng biến phí		150,000	80,000
Số dư đảm phí		150,000	120,000
Trừ định phí bộ phận		90,000	80,000
Số dư bộ phận		60,000	40,000
Trừ định phí chung			
Lãi			

10/31/2006

Prepared and presented by Nguyen Bao Linh – University of Economics

6

Ví dụ – cấp dây chuyền SX

	PX2	Mẫu mới	Mẫu cũ
Doanh thu		75,000	125,000
Trừ biến phí			
Biến phí hàng bán		20,000	40,000
Các biến phí khác		5,000	15,000
Cộng biến phí		25,000	55,000
Số dư đảm phí		50,000	70,000
Trừ định phí bộ phận		30,000	40,000
Số dư bộ phận		20,000	30,000
Trừ định phí chung			
Số dư bộ phận phân xưởng			

10/31/2006

Prepared and presented by Nguyen Bao Linh – University of Economics

7

Ví dụ – khu vực bán hàng

	Mẫu cũ	Nội địa	Xuất khẩu
Doanh thu		100,000	25,000
Trừ biến phí			
Biến phí hàng bán		32,000	8,000
Các biến phí khác		5,000	10,000
Cộng biến phí		37,000	18,000
Số dư đảm phí		63,000	7,000
Trừ định phí bộ phận		15,000	10,000
Số dư bộ phận		48,000	(3,000)
Trừ định phí chung			
Số dư bộ phận SP			

10/31/2006

Prepared and presented by Nguyen Bao Linh – University of Economics

8

Số dư bộ phận

10/31/2006

Prepared and presented by Nguyen Bao Linh – University of Economics

9

Khái niệm

- Là phần còn lại của doanh thu mà một bộ phận kiếm được sau khi trừ tất cả các chi phí liên quan phát sinh để tạo ra doanh thu đó.
- Số dư bộ phận của các bộ phận sẽ góp phần trừ đi định phí chung để tính ra lãi của cấp cao hơn. Nếu số dư bộ phận của một bộ phận bị âm thì cấp cao hơn cần xem xét để quyết định nên duy trì bộ phận đó hay không.

10/31/2006

Prepared and presented by Nguyen Bao Linh – University of Economics

10

Ví dụ

- Số dư bộ phận là cơ sở tốt nhất để đánh giá khả năng sinh lãi của từng bộ phận.

	Toàn công ty		Sản phẩm					
			A		B		C	
	\$	%	\$	%	\$	%	\$	%
Doanh thu	100,000	100	30,000	100	50,000	100	20,000	100
Trừ biến phí	46,000	46	9,000	30	25,000	50	12,000	60
Số dư đảm phí	54,000	54	21,000	70	25,000	50	8,000	40
Trừ F bộ phận	30,000	30	15,000	50	10,000	20	5,000	25
Số dư bộ phận	24,000	24	6,000	20	15,000	30	3,000	15
Trừ F chung	15,000	15						
Lãi	9,000	9						

10/31/2006

Prepared and presented by Nguyen Bao Linh – University of Economics

11

Đánh giá các sản phẩm

- Theo phương diện **dài hạn** B là tốt nhất vì số dư bộ phận của nó rất lớn (15,000) và tỉ lệ số dư bộ phận của nó cũng cao (30%).
- Trên phương diện **đẩy mạnh sản xuất ngắn hạn**, người ta thích sản phẩm A hơn B vì tỉ lệ số dư đảm phí cao hơn (70% so với 50%), khi doanh thu tăng lên thì lãi sẽ tăng lên nhanh chóng. Khi ra các quyết định ngắn hạn cần xem xét các yếu tố khác như
 - o Năng lực sản xuất hiện tại
 - o Mức bão hòa của thị trường

10/31/2006

Prepared and presented by Nguyen Bao Linh – University of Economics

12

Ví dụ về phân chia doanh thu

- Công ty F bán 2 sản phẩm X và Y ở 2 khu vực Đông và Tây với số liệu như sau:

	Sản phẩm	
	X	Y
Đơn giá bán	\$10	\$6
Biến phí đơn vị sản phẩm	6	4
Số dư đảm phí 1 sản phẩm	4	2

10/31/2006

Prepared and presented by Nguyen Bao Linh – University of Economics

13

Ví dụ về phân chia doanh thu

- Giả sử rằng các sản phẩm được tiêu thụ qua các khu vực như sau:

	Sản phẩm X	Sản phẩm Y
Khu vực Đông	3000	6000
Khu vực Tây	7000	9000
Cộng	10,000	15,000

10/31/2006

Prepared and presented by Nguyen Bao Linh – University of Economics

14

Ví dụ về phân chia doanh thu

- Định phí phát sinh trong năm như bảng dưới đây
- Ngoài ra còn 9,000 định phí quản lý chung không thể tính trực tiếp cho bộ phận nào

	Sản phẩm		Khu vực bán hàng	
	X	Y	Đông	Tây
Định phí sản xuất	8,000	6,000	-	-
Định phí bán hàng	-	-	12,000	10,000
Định phí quản lý	2,000	1,500	2,200	2,300

10/31/2006

Prepared and presented by Nguyen Bao Linh – University of Economics

15

Theo loại sản phẩm

10/31/2006

Prepared and presented by Nguyen Bao Linh – University of Economics

16

	Toàn công ty	Sản phẩm	
		X	Y
Doanh thu			
Trừ biến phí			
Số dư đảm phí			
Trừ định phí bộ phận			
• Sản xuất			
• Quản lý sản phẩm			
Tổng định phí bộ phận			
Số dư bộ phận			
Trừ định phí chung			
• Chi phí bán hàng ở khu vực			
• Chi phí quản lý ở khu vực			
• Chi phí quản lý chung			
Tổng định phí chung			
Lãi			

10/31/2006 Prepared and presented by Nguyen Bao Linh – University of Economics 17

Theo khu vực tiêu thụ

	Toàn công ty	Khu vực	
		Đông	Tây
Doanh thu			
Trừ biến phí			
Số dư đảm phí			
Trừ định phí bộ phận			
•Chi phí bán hàng khu vực			
•Chi phí quản lý khu vực			
Tổng định phí bộ phận			
Số dư bộ phận			
Trừ định phí chung			
•Sản xuất			
•Quản lý sản phẩm			
•Chi phí quản lý chung			
Tổng định phí chung			
Lãi			
10/31/2006		Prepared and presented by Nguyen Bao Linh – University of Economics	
		19	

So sánh các phương pháp xác định chi phí đơn vị sản phẩm

Phương pháp toàn bộ (Absorption costing)

- Giá thành sản phẩm bằng được tính bằng cách tổng hợp
 - o Chi phí nguyên liệu trực tiếp
 - o Chi phí nhân công trực tiếp
 - o Chi phí sản xuất chung bao gồm phần khả biến và bất biến.
- Phương pháp này trộn lẫn định phí và biến phí sản xuất chung với nhau.
- Không phù hợp với cách lập báo cáo thu nhập kiểu đảm phí.

10/31/2006

Prepared and presented by Nguyen Bao Linh – University of Economics

21

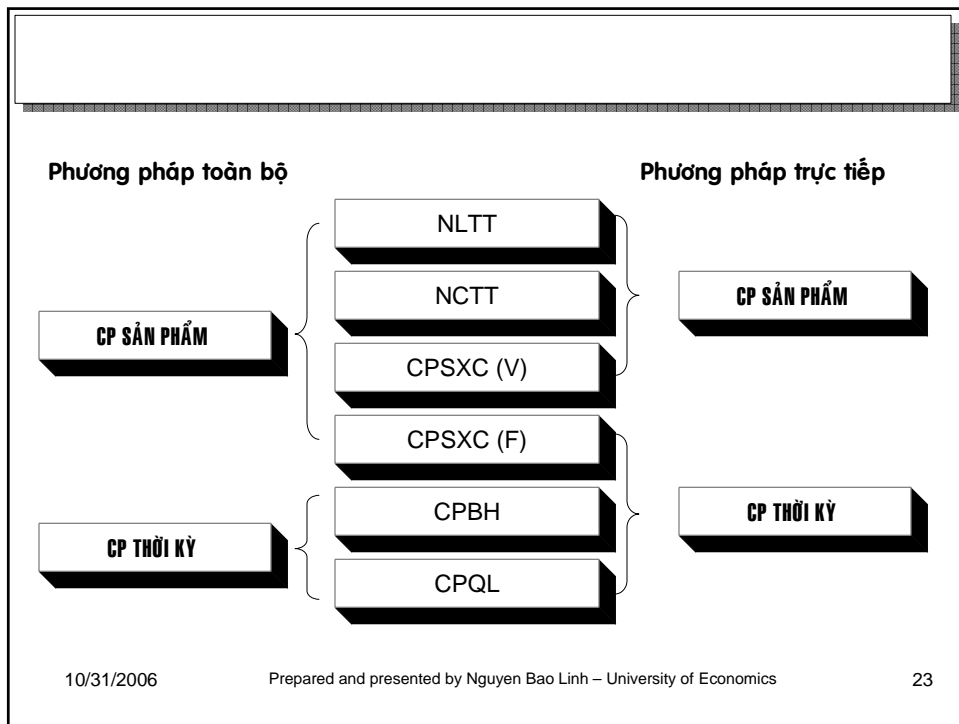
Phương pháp trực tiếp (Direct costing)

- Giá thành sản phẩm bằng được tính bằng cách tổng hợp
 - o Chi phí nguyên liệu trực tiếp
 - o Chi phí nhân công trực tiếp
 - o Chi phí sản xuất chung chỉ bao gồm phần khả biến mà thôi.
- Phương pháp này không tính định phí sản xuất chung vào chi phí sản phẩm mà xem nó là chi phí thời kỳ.

10/31/2006

Prepared and presented by Nguyen Bao Linh – University of Economics

22



**Sự tranh luận
giữa 2 phương pháp**

10/31/2006 Prepared and presented by Nguyen Bao Linh – University of Economics 24

Trung tâm của sự tranh luận

- Tranh luận xoay quanh việc đưa ra lý lẽ để:
- Loại trừ các chi phí sản xuất chung bất biến ra khỏi giá thành sản phẩm và cũng có nghĩa là loại trừ ra khỏi trị giá hàng tồn kho
- Hay tính toán chi phí sản xuất chung bất biến vào giá thành sản phẩm và xem nó như một phần của chi phí sản phẩm.

10/31/2006

Prepared and presented by Nguyen Bao Linh – University of Economics

25

Theo phương pháp trực tiếp

- Người bên vực phương pháp trực tiếp cho rằng những chi phí cho máy móc thiết bị, bảo hiểm, lương giám sát viên... đều phản ánh những chi phí chuẩn bị sẵn sàng cho sản xuất và sẽ phát sinh bất kể hoạt động sản xuất có diễn ra hay không. Vì vậy chúng phải được tính là chi phí trong kỳ hơn là tính vào trị giá của sản phẩm.

10/31/2006

Prepared and presented by Nguyen Bao Linh – University of Economics

26

Theo phương pháp toàn bộ

- Người bên vực phương pháp toàn bộ thì chỉ rõ rằng không có điều gì khác nhau dù chi phí sản xuất chung là khả biến hoặc bất biến.
- Chúng đều cần thiết cho quá trình sản xuất và không thể không tính vào giá thành sản phẩm.
- Để tính được chi phí đầy đủ thì mỗi sản phẩm đều phải chịu một phần như nhau của tất cả các chi phí sản xuất.

10/31/2006

Prepared and presented by Nguyen Bao Linh – University of Economics

27

Ví dụ

- Công ty D sản xuất sản phẩm A
- Số lượng sản xuất 6,000 sản phẩm/năm
- Chi phí khả biến đơn vị sản phẩm
 - o Nguyên liệu trực tiếp 2
 - o Nhân công trực tiếp 4
 - o Sản xuất chung khả biến 1
 - o Bán hàng và quản lý khả biến 3
- Định phí hàng năm
 - o Sản xuất chung 30,000
 - o Bán hàng và quản lý 10,000

10/31/2006

Prepared and presented by Nguyen Bao Linh – University of Economics

28

Theo phương pháp toàn bộ

Cộng chi phí sản xuất khả biến	
Nguyên liệu trực tiếp	2
Nhân công trực tiếp	4
Sản xuất chung khả biến	1
Cộng chi phí sản xuất khả biến	7
CPSXC bất biến ($\$30,000 \div 6,000 \text{ sp}$)	5
Chi phí đơn vị sản phẩm	12

10/31/2006

Prepared and presented by Nguyen Bao Linh – University of Economics

29

Theo phương pháp trực tiếp

Nguyên liệu trực tiếp	\$ 2
Nhân công trực tiếp	4
Sản xuất chung khả biến	1
Chi phí đơn vị sản phẩm	\$ 7

10/31/2006

Prepared and presented by Nguyen Bao Linh – University of Economics

30

Xem lại ví dụ

Lượng sản phẩm tồn kho đầu kỳ	0
Lượng sản phẩm sản xuất	6,000
Lượng sản phẩm bán trong kỳ	5,000
Lượng sản phẩm tồn kho cuối kỳ	1,000
Đơn giá bán sản phẩm	20
Chi phí bán hàng và QL chung	
• Chi phí khả biến đơn vị	3
• Tổng định phí hàng năm	10,000

10/31/2006

Prepared and presented by Nguyen Bao Linh – University of Economics

31

Hai cách tính giá thành

	Phương pháp toàn bộ	Phương pháp trực tiếp
Chi phí đơn vị của sản phẩm		
Nguyên liệu trực tiếp	\$ 2	\$ 2
Nhân công trực tiếp	4	4
Chi phí sản xuất chung khả biến	1	1
Chi phí sản xuất chung bất biến (\$30,000 ÷ 6,000)	5	-
Cộng chi phí đơn vị sản phẩm	\$ 12	\$ 7

10/31/2006

Prepared and presented by Nguyen Bao Linh – University of Economics

32

Ảnh hưởng của các phương pháp tính toán chi phí sản phẩm đến lợi nhuận của doanh nghiệp

10/31/2006

Prepared and presented by Nguyen Bao Linh – University of Economics

33

Phương pháp toàn bộ

Doanh thu		
Giá vốn hàng bán		
Tồn kho đầu kỳ		
TP SX trong kỳ		
Trị giá hàng chờ bán		
Trừ tồn kho cuối kỳ		
Lãi gộp		
CP BH&QL		
Lãi		

10/31/2006

Prepared and presented by Nguyen Bao Linh – University of Economics

34

Phương pháp trực tiếp

Doanh thu		
▪Tồn kho đầu kỳ		
▪CPSX khả biến trong kỳ		
▪Trị giá hàng chờ bán		
▪Trừ tồn kho cuối kỳ		
<i>Biến phí của hàng bán</i>		
<i>Biến phí BH và QL</i>		
Số dư đảm phí		
Trừ định phí		
Định phí sản xuất chung		
Định phí bán hàng và quản lý		
Lãi		

10/31/2006

Prepared and presented by Nguyen Bao Linh – University of Economics

35

Nhận xét

- Trong kỳ, sản xuất 6,000 sp, tiêu thụ 5,000 sp nên tồn kho cuối kỳ 1,000 sản phẩm.
- So với phương pháp trực tiếp, phương pháp toàn bộ đã tính thêm 5đ CPSXC bất biến/1sp.
- Vì vậy có 5,000 sản xuất chung bất biến trong trị giá sản phẩm tồn kho cuối kỳ.
- Trong 30,000 CPSXC bất biến phát sinh trong kỳ chỉ có 25,000 được tính trong chi phí hàng bán, 5,000 trong hàng tồn kho và sẽ được tính vào kỳ mà những sản phẩm đó được bán đi.

10/31/2006

Prepared and presented by Nguyen Bao Linh – University of Economics

36

Tính toán hòa vốn

- Định phí trong kỳ 40.000đ
- Số dư đảm phí đơn vị sản phẩm 10đ
- Tỷ lệ số dư đảm phí 50%
- Sản lượng hòa vốn
- $40.000 \div 10 = 4.000$ sản phẩm
- Doanh thu hòa vốn
- $40.000 \div 50\% = 80.000\text{đ}$
- Thử lập báo cáo thu nhập theo 2 phương pháp ở mức sản lượng hòa vốn, ta có kết quả như sau

10/31/2006

Prepared and presented by Nguyen Bao Linh – University of Economics

37

Phương pháp toàn bộ

Doanh thu (4,000 x \$20)		
Giá vốn hàng bán		
Tồn kho đầu kỳ		
TP SX trong kỳ (6,000 x \$12)		
Trị giá hàng chờ bán		
Trừ tồn kho cuối kỳ (2,000 x \$12)		
Lãi gộp		
CP BH&QL (\$12,000V + \$10,000 F)		
Lãi		

10/31/2006

Prepared and presented by Nguyen Bao Linh – University of Economics

38

Phương pháp trực tiếp

Doanh thu (4,000 x 20)		
▪Tồn kho đầu kỳ		
▪CPSX khả biến trong kỳ (6,000 x 7)		
▪Trị giá hàng chờ bán		
▪Trừ tồn kho cuối kỳ (2,000 x 7)		
<i>Biến phí của hàng bán</i>		
<i>Biến phí BH và QL (4,000 x 3)</i>		
Số dư đảm phí		
Trừ định phí		
Định phí sản xuất chung		
Định phí bán hàng và quản lý		
Lãi		

10/31/2006

Prepared and presented by Nguyen Bao Linh – University of Economics

39

Nhận xét

- Các số liệu được tính toán về điểm hòa vốn chỉ đúng khi chi phí sản phẩm được tính theo phương pháp trực tiếp.
- Theo phương pháp toàn bộ, việc tính toán cho thấy ở mức sản lượng tiêu thụ là 4.000 và doanh thu là 80.000đ thì công ty không hòa vốn mà đang lãi 10.000.
- Sự khác nhau này xuất phát từ việc tính toán không đủ định phí trong kỳ.

10/31/2006

Prepared and presented by Nguyen Bao Linh – University of Economics

40

So sánh thu nhập qua nhiều kỳ Trường hợp Sản xuất ổn định, tiêu thụ thay đổi

10/31/2006

Prepared and presented by Nguyen Bao Linh – University of Economics

41

Mối tương quan sản xuất - tiêu thụ

- Khi sản xuất và tiêu thụ như nhau thì lãi sẽ như nhau giữa 2 phương pháp vì không tồn tại định phí sản xuất chung trong tồn kho cuối kỳ.
- Nếu sản xuất trội hơn bán ra thì tính theo phương pháp toàn bộ cho ra một mức lãi cao hơn phương pháp trực tiếp vì theo phương pháp toàn bộ, một phần định phí sản xuất chung được chuyển cho kỳ sau, trong khi đó phương pháp trực tiếp thì tính hết cho kỳ này.
- Trong một thời kỳ dài thì tổng số lãi tính được giữa 2 phương pháp cũng tương đương nhau

10/31/2006

Prepared and presented by Nguyen Bao Linh – University of Economics

42

Ví dụ

Lượng sản xuất hàng năm	25,000
Đơn giá bán	\$ 20
CPSX KB 1 sản phẩm (NL, NC, SXC KB)	11
Tổng chi phí sản xuất chung bất biến	150,000
Chi phí sản xuất đơn vị sản phẩm	
•Theo phương pháp trực tiếp	
Chi phí sản xuất khả biến	\$ 11
•Theo phương pháp toàn bộ	
Chi phí sản xuất khả biến	\$ 11
CPSXC bất biến ($\$150,000 \div 25,000$)	6
Cộng	\$ 17

10/31/2006

Prepared and presented by Nguyen Bao Linh – University of Economics

43

Các thông tin bổ sung

➤ Chi phí bán hàng và quản lý là 30,000/năm, giả sử toàn là định phí

	Năm 1	Năm 2	Năm 3	Tổng
Tồn kho đầu kỳ	0	0	5,000	0
Sản xuất trong kỳ	25,000	25,000	25,000	75,000
Tiêu thụ trong kỳ	25,000	20,000	30,000	75,000
Tồn kho cuối kỳ	0	5,000	0	0

10/31/2006

Prepared and presented by Nguyen Bao Linh – University of Economics

44

Phương pháp trực tiếp

	Năm 1	Năm 2	Năm 3	Cả 3 năm
Doanh thu				
Trừ biến phí				
Số dư đảm phí				
Định phí				
▪CP SXC				
▪CP BH&QL				
Tổng F				
Lãi				

10/31/2006

Prepared and presented by Nguyen Bao Linh – University of Economics

45

Phương pháp toàn bộ

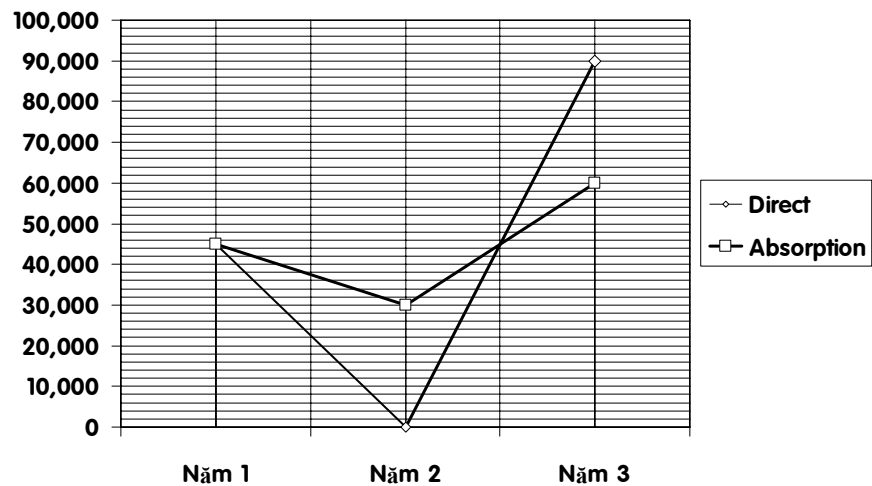
	Năm 1	Năm 2	Năm 3	Cả 3 năm
Doanh thu				
TKTP đầu kỳ				
CPSX trong kỳ				
Hàng chờ bán				
TKTP cuối kỳ				
Giá vốn hàng bán				
Lãi gộp				
CP BH&QL				
Lãi				

10/31/2006

Prepared and presented by Nguyen Bao Linh – University of Economics

46

So sánh lợi nhuận



10/31/2006

Prepared and presented by Nguyen Bao Linh – University of Economics

47

So sánh thu nhập qua nhiều kỳ
Trường hợp
Sản xuất thay đổi, tiêu thụ ổn định

10/31/2006

Prepared and presented by Nguyen Bao Linh – University of Economics

48

Ví dụ

Đơn giá bán	\$ 25			
Chi phí sản xuất khả biến 1 sản phẩm (NL, NC, SXC KB)	10			
Tổng chi phí sản xuất chung bất biến	300,000			
Chi phí bán hàng và quản lý (100% định phí)	210,000			
	Năm 1	Năm 2	Năm 3	Cả 3 năm
Sản xuất trong kỳ	40,000	50,000	30,000	120,000
Tiêu thụ trong kỳ	40,000	40,000	40,000	120,000
<i>Chi phí 1 sản phẩm</i>				
Phương pháp trực tiếp	10	10	10	
Phương pháp toàn bộ				
•Biến phí sản xuất	10	10	10	
•Sxc (F)	7.5	6	10	
Cộng	17.5	16	20	

10/31/2006

Prepared and presented by Nguyen Bao Linh – University of Economics

49

Báo cáo thu nhập – PP trực tiếp

	Năm 1	Năm 2	Năm 3	Cả 3 năm
Doanh thu				
Trừ biến phí				
Số dư đảm phí				
Định phí				
SXC				
CP BH&QL				
Cộng F				
Lãi				

10/31/2006

Prepared and presented by Nguyen Bao Linh – University of Economics

50

Báo cáo thu nhập – PP toàn bộ

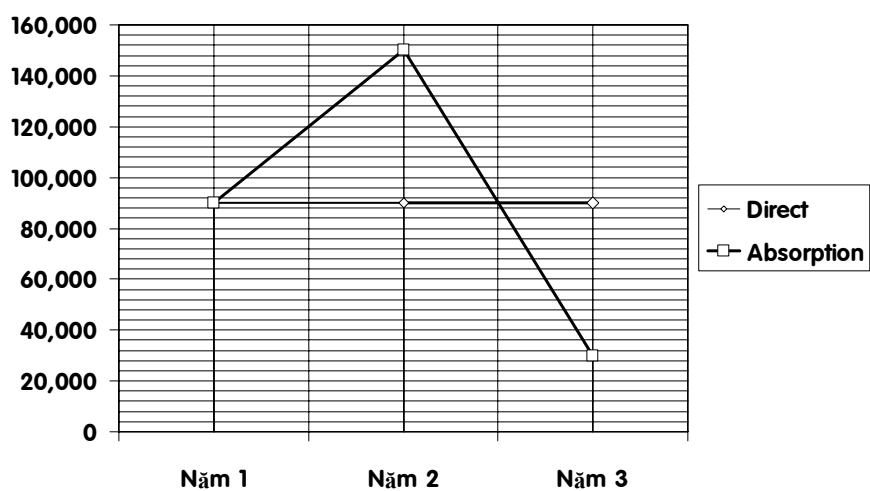
	Năm 1	Năm 2	Năm 3	Cả 3 năm
Doanh thu				
TK ĐK				
CPSX trong kỳ				
Hàng chờ bán				
TKCK				
Giá vốn hàng bán				
Lãi gộp				
CP BH&QL				
Lãi				

10/31/2006

Prepared and presented by Nguyen Bao Linh – University of Economics

51

So sánh lợi nhuận



10/31/2006

Prepared and presented by Nguyen Bao Linh – University of Economics

52

Tài liệu tham khảo

- **Managerial accounting, Concepts for Planning, Control, Decision making** – *Ray H. Garrison*
- **Managerial accounting** – *Ronald W. Hilton*
- **Cost management, a strategic emphasis** – *Edward J. Blocher; Kung H. Chen; Thomas W. Lin*